|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỜNG TH&THCS NGUYỄN VĂN HIỂN  Họ và tên HS:……………………………….....  Lớp:……..SBD:……….. | | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ**  **HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2022 - 2023**  TUẦN KT: 8 NGÀY KT……..  MÔN: CÔNG NGHỆ – LỚP 6  THỜI GIAN: 45 phút *(không tính thời gian phát đề)* |
| **ĐIỂM**  *( Viết bằng số và bằng chữ)* | **Số tờ** | **Nhận xét của giáo viên** |
|  |  |

**ĐỀ**

**I. TRẮC NGHIỆM:** (7,0 điểm)

**Hãy chọn phương án đúng mà em cho là đúng nhất trong các câu sau ghi vào khung bài làm.**

**Câu 1. Vai trò của nhà ở đối với con người?**

A. là nơi trú ngụ của con người, giúp bảo vệ con người trước những tác động xấu của thiên nhiên, xã hội và đáp ứng các nhu cầu của con người về vật chất và tinh thần.

B. là ngôi nhà được xây dựng với mục đích để ở, giúp bảo vệ con người trước những tác động xấu của mùa mưa bão, lũ lụt.

C. là nơi được xây dựng với mục đích để ở và để phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của các hộ gia đình, tránh được sự xâm nhập xấu của môi trường.

D. nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác riêng tư, đáp ứng cho mỗi người được học học hành, vui chơi.

**Câu 2.** **Nhà ở có đặc điểm chung về**

|  |  |
| --- | --- |
| A. kiến trúc và màu sắc | B. cấu tạo và bố trí không gian bên trong nhà ở. |
| C. vật liệu xây dựng và cấu tạo. | D. kiến trúc và phân chia các khu vực chức năng. |

**Câu 3**. **Nhà ở bao gồm các phần chính nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Móng nhà, thân nhà, mái nhà, cửa | B. Móng nhà, sàn nhà, mái nhà. |
| C. Móng nhag, thân nhà, mái nhà | D. Móng nhà, sàn nhà, thân nhà |

D. khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh.

**Câu 4. Một số kiến trúc *nhà ở* đặc trưng ở Việt Nam là**

A. nhà rông; chung cư; nhà nổi, nhà lá.

B. nhà nông thôn; nhà liền kề, nhà cao tầng, nhà sàn, nhà nổi.

C. nhà nông thôn; nhà cao tầng; nhà mái bằng, nhà mái tôn.

D. nhà thành thị, nhà sàn, nhà rông, nhà nổi.

**Câu 5. Vật liệu *không dùng* để xây dựng những ngôi nhà lớn, kiên cố hoặc các chung cư là**

|  |  |
| --- | --- |
| A. thép., gạch. C. lá, tre, (cọ, dừa,...). | B. xi măng, cát. D. gạch, đá. |

**Câu 6. Các bước chính để xây dựng một ngôi nhà gồm**

A. thiết kế, lát nền, hoàn thiện.

B. trát và sơn tường, lát nền, hoàn thiện.

C. thiết kế, trát và sơn tường và hoàn thiện.

D. chuẩn bị, thi công và hoàn thiện.

**Câu 7. Năng lượng điện được sử dụng để duy trì hoạt động cho các đồ dùng nào sau đây?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bàn là, bếp ga, bật lửa, quạt bàn | C. Tủ lạnh, đèn pin, nồi cơm điện |
| B. Máy tính cầm tay, bếp cồn, tivi | D. Lò vi sóng, bếp từ, Tivi, máy sấy tóc |

**Câu 8. Hành vi nào sau đây thể hiện biết tiết kiệm năng lượng?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bắt đèn ngủ khi đi ra khỏi phòng | B. Xem điện thoại mà bắt tivi |
| C. Bật lửa thật to khi nấu ăn | D. Sử dụng điện khi cần thiết |

**Câu 9.** **Biết tiết kiệm năng lượng sẽ mang lại lợi ích gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Giúp môi trường sạch, không bị ô nhiễm | B. Giúp giảm chi phí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ sức khỏe |
| C. Giúp bảo vệ khoáng sản, tài nguyên , bệnh tật | D. Giúp tiết kiệm năng lượng, vệ sinh môi trường |

**Câu 10.** **Việc làm nào sao đây gây lãng phí năng lượng?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ra chơi tắt quạt | B. Bắt đèn khi trời mưa, tối |
| C. Để máy tính, máy chiếu khi ra chơi | D. Bật quạt ở chế độ phù hợp |

Câu 11. Hành vi nào sau đây ***không gây lãng phí*** điện khi sử dụng Tivi?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bật Tivi nhưng vẫn mở máy tính | B. Điều chỉnh chế độ ánh sáng lớn |
| C. Chọn Tivi thật to để trong căn phòng nhỏ | D. Cùng xem chung một Tivi |

**Câu 12.** **Một số đặc điểm của ngôi nhà thông minh là**

|  |  |
| --- | --- |
| A. tiện ích; an ninh, an toàn; tiết kiệm năng lượng. | B. an ninh, an toàn; tiết kiệm năng lượng |
| C. tiện ích; tiết kiệm năng lượng | D. an toàn; tiết kiệm năng lượng |

**Câu 13. Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh được điều khiển từ xa bởi các thiết bị như**

|  |  |
| --- | --- |
| A. điện thoại đời cũ, máy tính bảng có kết nối internet. | B. điện thoại, máy tính bảng không có kết nối internet. |
| C. điều khiển, máy tính không có kết nối internet. | D. điện thoại thông minh, máy tính bảng có kết nối internet. |

**Câu 14. Các hình thức cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như**

|  |  |
| --- | --- |
| A. chuông báo, tin nhắn, đèn báo. | B. chuông báo, tin nhắn, đèn báo hay cuộc gọi tự động tới chủ nhà |
| C. tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà | D. chuông báo, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà |

**II. TỰ LUẬN:** (3.0 điểm)

**Câu 1.** (2,0 điểm) Em hãy kể 4 vật dụng sử dụng năng lượng điện và năng lượng chất đốt trong ngôi nhà của gia đình em. Gia đình em sử dụng điện, chất đốt như thế nào để tiết kiệm năng lượng?

**Câu 2.** (1,0 điểm) Em hãy nêu 2 mô tả để thể hiện cho sự một đặc điểm của ngôi nhà thông minh?

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*Hết\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BÀI LÀM.**

**I, Trắc nghiệm: (7,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. Tự luận: ( 3,0 điểm)**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2022 - 2023**

**Tuần: 8; Tiết: 8**

**Môn: Công nghệ 6**

**I. TRẮC NGHIỆM:** (7.0 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. TỰ LUẬN:** (7.0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Biểu điểm** |
| Câu 1  (2.0 điểm) | - HS nêu được 4 đồ dùng sử dụng năng lượng và chất đốt trong gia đình.  *Gợi ý chấm câu trả lời của HS :*  \* HS nêu được 2 cách sử dụng năng lượng hiệu quả đúng  Thiếu không đúng - 0,5 đ | 1.0 điểm  1.0 điểm |
| Câu 2  (1.0 điểm) | HS nêu đúng 2 mô tả về đặc điểm mình chọn mỗi mô tả dúng  Sai, thiếu – 0,5 đ | 1,0 điểm |